



SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN
MANG YANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**DANH MỤC MUA SẴM VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO, SINH PHẨM, HÓA CHẤT
XÉT NGHIỆM, DỤNG CỤ TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MANG YANG NĂM 2023**

Kèm theo thư mời số: 37/ TM-TTYT ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Mang Yang

STT	Tên mặt hàng	Quy cách	Nước sản xuất	Đvt	Số lượng
I	VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO				
1	Băng cuộn	7cm x 2m, Bì 5 cuộn	Việt Nam	Cuộn	7.000
2	Băng keo lùa	2,5cm x 5m	Việt Nam	Cuộn	1.500
3	Băng thun 3 móc	4inch, 3 móc, hộp 12 cuộn	Việt Nam	Cuộn	360
4	Bông hút y tế	100 gam, Thùng 100 gói	Việt Nam	Gói	800
5	Bông hút y tế	Bì 1 kg	Việt Nam	Kg	100
6	Gạc cầu sản khoa	Fi40 vô trùng, gói 01 miếng	Việt Nam	Miếng	2.000
7	Gạc meche phẫu thuật 3,5cm x 75cm x 6 lớp vô trùng cân quang	3,5cm x 75cm x 6 lớp vô trùng cân quang, gói 3 miếng	Việt Nam	Miếng	210
8	Gạc phẫu thuật ổ bụng 20cm x 80cm x 4 lớp vô trùng cân quang	20cm x 80cm x 4 lớp vô trùng cân quang, gói 5 miếng	Việt Nam	Miếng	250
9	Gạc phẫu thuật 5cm x 6,5cm x 12 lớp vô trùng	5cm x 6,5cm x 12 lớp vô trùng, gói 10 miếng	Việt Nam	Miếng	23.000
10	Bông gạc đắp vết thương 8 x 20cm vô trùng	8 x 20cm vô trùng, gói 01 miếng	Việt Nam	Miếng	7.000
11	Gạc phẫu thuật 8cm x 10cm x 8 lớp vô trùng	8cm x 10cm x 8 lớp vô trùng, gói 10 miếng	Việt Nam	Miếng	5.000
12	Bơm kim tiêm tự khóa 0,5ml kèm kim 25G x 1	Thành phần chất liệu ống bơm là Polypropylene, không có các thành phần độc hại như nhựa cao su tự nhiên, phthalates, polycarbonate. Kim tiêm cỡ 25G dài 25mm làm từ thép không rỉ. Tiệt khuẩn bằng công nghệ Ethylene Oxide.	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Cái	10.000
13	Bơm kim tiêm tự khóa 0,1ml kèm kim 27G x 3/8"	Thành phần chất liệu ống bơm là Polypropylene, không có các thành phần độc hại như nhựa cao su tự nhiên, phthalates, polycarbonate. Kim tiêm cỡ 27G dài 10mm làm từ thép không rỉ. Tiệt khuẩn bằng công nghệ Ethylene Oxide. Hộp 100 cái	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Cái	800

14	Bơm tiêm nhựa 1 ml	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml, làm bằng nguyên liệu nhựa PP dùng trong y tế, cỡ kim 25G; 26G; kim sắc nhọn, không có độc tố DEHP và chất gây sốt. Hộp 100 cái	Việt Nam	Cái	1.000
15	Bơm tiêm nhựa 5ml	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5ml. Đầu kim sắc nhọn, cỡ kim 25G; 23G. Vát 3 cạnh có nắp đậy. Pittong có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Không chứa độc tố DEHP và chất gây sốt. Đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O. Hộp 100 cái	Việt Nam	Cái	40.000
16	Bơm tiêm nhựa 10ml	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 10ml. Đầu kim sắc nhọn, cỡ kim 25G; 23G. Vát 3 cạnh có nắp đậy. Pittong có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Không chứa độc tố DEHP và chất gây sốt. Đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O. Hộp 100 cái.	Việt Nam	Cái	2.000
17	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 20ml/cc, kim các cỡ,	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 20ml. Kim 23G; 25G làm bằng thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn. Hộp 50 cái	Việt Nam	Cái	2.000
18	Bơm tiêm nhựa 50ml	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 50ml. Đầu kim sắc nhọn, cỡ kim 25G; 23G. Vát 3 cạnh có nắp đậy. Pittong có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Không chứa độc tố DEHP và chất gây sốt. Đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O. Hộp 25 cái.	Việt Nam	Cái	100

19	Bơm tiêm nhựa 50ml cho ăn	Bơm tiêm nhựa vô trùng sử dụng một lần 50ml, làm bằng nguyên liệu nhựa PP dùng trong y tế, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn, Pittong có khía bề gãy. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo không có độc tố DEHP và chất gây sốt. Tiệt trùng bằng khí E.O.Hộp 25 cái.	Việt Nam	Cái	100
20	Chỉ Silk 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 24mm.	Chỉ không tan tự nhiên được làm từ 100% tơ tằm tự nhiên phủ ngoài bằng Nusil Med 2174 silicon. Kim được làm bằng thép không gỉ AISI 420, thép 302. Cỡ chỉ số 2/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8C 24mm. Hộp 12 tệp	Ấn Độ hoặc tương đương	Tệp	2.000
21	Chỉ tan chậm tự nhiên 2/0, kim tròn	Số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 36 mm. Hộp 24 tệp	Việt Nam	Tệp	1.200
22	Chỉ Silk 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 16mm	Chỉ không tan tự nhiên được làm từ 100% tơ tằm tự nhiên phủ ngoài bằng Nusil Med 2174 silicon. Kim được làm bằng thép không gỉ AISI 420, thép 302. Cỡ chỉ số 5/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8C 16mm. Hộp 12 tệp	Ấn Độ hoặc tương đương	Tệp	600
23	Chỉ polyamide 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 26mm	Chỉ không tan đơn sợi Polyamide 6.6. Kim được làm bằng thép không gỉ AISI 420, thép 302. Cỡ chỉ số 2/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8C 26mm. Hộp 12 tệp	Ấn Độ hoặc tương đương	Tệp	120
24	Chỉ polyamide 4/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 18mm	Chỉ không tan đơn sợi Polyamide 6.6. Kim được làm bằng thép không gỉ AISI 420, thép 302. Cỡ chỉ số 4/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8C 18mm. Hộp 12 tệp	Ấn Độ hoặc tương đương	Tệp	120
25	Chỉ Vicryl số 1	Chỉ phẫu thuật polyglactin 910 tổng hợp số 1; dài 90cm. Kim tròn cong 1/2 vòng tròn, dài 40mm. Hộp 12 tệp	Ấn Độ hoặc tương đương	Tệp	240

26	Bột bó	Kích thước: 15cm x 4,6m. Thùng 36 cuộn.	Việt Nam	Cuộn	144
27	Kim luồn mạch máu số 20G	Số 20. Hộp 100 cái	Ấn Độ hoặc tương đương	Cái	1.000
28	Kim luồn mạch máu số 24G	Số 24. Hộp 100 cái	Ấn Độ hoặc tương đương	Cái	6.000
29	Kim luồn mạch máu số 26G	Số 26. Hộp 100 cái	Ấn Độ hoặc tương đương	Cái	1.000
30	Kim luồn mạch máu 18 G	Số 18, hộp 100 cái	Ấn Độ hoặc tương đương	Cái	100
31	Dao mổ số 20	Số 20 Hộp 100 cái	Ấn Độ hoặc tương đương	Cái	500
32	Dây hút nhót có nắp các số 6;8;10;12;14	Dây hút nhót có nắp các số 6;8;10;12;14, hộp 100 cái	Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	200
33	Dây thở oxy 2 nhánh các cỡ	Dùng để dẫn khí oxy, dây dài 2m, chất liệu nhựa tốt dẻo, độ cong thích hợp. Size XS, S, M, L, XL thùng 100 cái	Trung Quốc hoặc tương đương	Dây	1.000
34	Mask thở Oxy có túi	Các số, loại có túi. Bì 01 cái	Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	100
35	Dây truyền dịch	Chất liệu: nhựa y tế có độ trong suốt để quan sát, thành trong dây trơn nhẵn, đồng nhất. Chính được chính xác 20 giọt/ml, dài đến 150cm, chất liệu nhựa y tế mềm dẻo, đàn hồi tốt, không bị gãy. Thùng 500 cái	Trung Quốc hoặc tương đương	Bộ	7.000
36	Đè lưỡi gỗ	Kích thước: 150 x 20 x 2mm. Hộp 100 cái	Việt Nam	Cái	10.000
37	Film X-quang	Film X-quang siêu nhạy 30x40, Hộp 100 tấm	Việt Nam hoặc tương đương	Hộp	5
38	Film X-quang	Film X-quang siêu nhạy 24x30, Hộp 100 tấm	Việt Nam hoặc tương đương	Hộp	10
39	Film X-quang KTS (DI- HL)	Film X-quang KTS, 20cm x 25cm, Hộp 150 tấm	Việt Nam hoặc tương đương	Hộp	70
40	Film X-quang KTS(DI- HL)	Film X-quang KTS, 25cm x30cm Hộp 150 tấm	Việt Nam hoặc tương đương	Hộp	20
41	Gel siêu âm	Can 5 lít	Việt Nam	Can	10
42	Gel điện tim	Tube/ 500g	Việt Nam	Tube	10
43	Giấy điện tim 3 cần	Kích thước: 80mm x20m, thùng 120 cuộn	Malaysia hoặc tương đương	Cuộn	150
44	Giấy siêu âm	kích thước 110mm x 20m, hộp 05 cuộn	Malaysia hoặc tương đương	Cuộn	100

45	Kẹp rốn sơ sinh	Nguyên liệu:Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. Hộp 100 cái	Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	1.000
46	Ống thổi nòng độ cùn	Bằng nhựa	Hàn Quốc hoặc tương đương	Cái	3.000
47	Khẩu trang y tế 4 lớp	4 lớp, Hộp 50 cái	Việt Nam	Cái	20.000
48	Mũ phẫu thuật	Làm từ vải không dệt, đã tiệt trùng, gói 01 cái	Việt Nam	Cái	3.000
49	Kim khâu da	Được sản xuất bằng thép Cacbon với công nghệ sản xuất hiện đại cho đầu kim nhọn, sắc nhọn. Các kích cỡ, gói 10 cái	Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	500
50	Kim châm cứu	Các size 0.25 x 10 mm; 0.25 x 13 mm; 0.30 x 25 mm; 0.30 x 40 mm; 0.35 x 50 mm; 0.35 x 60 mm; 0.35 x 75 mm; 0.4 x 150 mm; 0.4 x 200 mm.	Trung Quốc hoặc tương đương	Cây	83.000
51	Kim chọc dò tủy sống số 27	Số 27. Hộp/100 cái	Thổ Nhĩ Kỳ hoặc tương đương	Cái	200
52	Kim chọc dò tủy sống số 25	Số 25, hộp 200 cái	Ấn Độ hoặc tương đương	Cái	20
53	Kim gây tê đám rối thần kinh	22G, Chiều dài kim 50mm - 100mm. Hộp 25 cái	Nhật Bản hoặc tương đương	Cái	25
54	Kim nha khoa (Kim ngắn)	Kim nha khoa (Kim ngắn) , Quy cách: 27G. 0,4 x 21mm.	Nhật Bản hoặc tương đương	Cái	500
55	Kim tiêm số 18	Số 18. 100 cái/ Hộp	Việt Nam	Cái	3.000
56	Túi nước tiểu có khóa, có dây đeo	Thể tích 2000ml. Bì 01 cái	Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	300
57	Ống đặt nội khí quản có bóng số 7; 7,5; 6; 5,5	Các số, có bóng chèn. Bì 01 cái	Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	40
58	Điện cực	Chất liệu PE-foam, độ bám dính cao, không để lại chất kết dính. Bịch 50 cái	Hàn Quốc hoặc tương đương	Cái	100
59	Đinh Kirschner nhọn 2 đầu cỡ 1,8 , 2,0	Đường kính: 1.8, 2.0 mmChiều dài: 310mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Pakistan hoặc tương đương	Cái	10

60	Chỉ thép số 0.7	Đường kính: 0,7 mm dài 10mĐạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Pakistan hoặc tương đương	Cái	5
61	Cốc đựng đờm	Chất liệu nhựa (C). Sử dụng 1 lần , chất liệu nhựa PVC. Bì 01 cái	Việt Nam	Cái	1.000
62	Gạc vaselin đắp bông	Kích thước: 40cm x 70cm. Gói 10 miếng	Việt Nam	Miếng	300
63	Nhiệt kế thủy ngân	Nhiệt độ đo được tối đa 35-42°C. Bì 01 cái	Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	200
64	Bóng đèn gù	24V, 25W. Hộp 01 cái	Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	30
65	Găng tay phẫu thuật tiết trùng số 7	Là găng đã tiết trùng, có bột. Size S (số 7). Hộp 50 đôi	Việt Nam	Đôi	30.000
66	Găng tay phẫu thuật tiết trùng số 7,5	Là găng đã tiết trùng, có bột. Size M (số 7.5). Hộp 50 đôi	Việt Nam	Đôi	10.000
67	Găng tay chưa tiết trùng size S số 7	Chưa tiết trùng, có bột. Size S (số 7). Hộp 50 đôi	Malaysia hoặc tương đương	Đôi	120.000
68	Găng tay chưa tiết trùng size M số 7,5	Chưa tiết trùng, có bột. Size M (số 7.5). Hộp 50 đôi	Malaysia hoặc tương đương	Đôi	30.000
68	Găng tay sản khoa đã tiết trùng	Là găng đã tiết trùng, có bột. Size S (số 7). Hộp 50 đôi	Việt Nam	Đôi	1.200
70	Ống Sonde dạ dày	Các số 10;14;16. Có nắp, bì 01 sợi	Trung Quốc hoặc tương đương	Sợi	300
71	Ống Sonde tiểu Nelaton các số	Ống Sonde tiểu Nelaton các cỡ	Trung Quốc hoặc tương đương	Sợi	200
72	Sonde Foley 2 nhánh các cỡ	Sonde Foley 2 nhánh các cỡ	Trung Quốc hoặc tương đương	Sợi	200
73	Mặt nạ xông khí dung trẻ em	Được làm từ chất liệu nhựa PVC. Dùng cho trẻ em, gói 01 cái	Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	100
74	Mặt nạ xông khí dung người lớn	Được làm từ chất liệu nhựa PVC. Dùng cho người lớn, gói 01 cái	Trung Quốc hoặc tương đương	Bộ	100
75	Lam kính	Kích thước: 25.4 x 76.2mm. Hộp 72 miếng	Trung Quốc hoặc tương đương	Hộp	50
76	Lam kính đầu mờ	Hộp 72 miếng	Trung Quốc hoặc tương đương	Hộp	10
77	Kim chích máu	Được sản xuất từ thép Carbon. Hộp 200 cái	Trung Quốc hoặc tương đương	Hộp	20

78	Ống nghiệm chống đông EDTA nắp nhựa	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa $6 \pm 0.1\text{ml}$, nắp nhựa màu xanh dương. Hóa chất bên trong là EDTA K2 (Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate) kháng đông cho 2ml máu. Hộp 100 ống	Việt Nam	Ống	25.000
79	Ống nghiệm Heparin lithium 2ml nắp đen, mous thấp	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa $6 \pm 0.1\text{ml}$, nắp nhựa màu đen. Hóa chất bên trong là Heparin Lithium kháng đông cho 2ml máu. Quy cách: 100 ống/ hộp	Việt Nam	Ống	5.000
80	Ống nghiệm nhựa PS 5ml nắp trắng, không nhãn	Ống nghiệm nhựa PS trong suốt, kích thước 13 x 75mm, nắp nhựa màu trắng, không nhãn, dung tích tối đa $6 \pm 0.1\text{ml}$. Bịch 500 ống	Việt Nam	Ống	2.000
81	Que lấy bệnh phẩm	Bì 100 cái	Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	1.000
82	Nẹp xương đùi dài các số 7; 8; 9	Vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot.- Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Dài 60cm;63cm; 67cm	Việt Nam	Cái	30
83	Nẹp xương đùi ngắn các số 6; 7; 8; 9	Vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot.- Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Dài 35cm;40cm; 45cm; 50cm	Việt Nam	Cái	40
84	Lọ đựng mẫu nắp đỏ , có nhãn 55 ml	Bì 10 cái	Việt Nam	Cái	500
85	Bì đựng rác thải y tế 55*80 lít	Chất liệu: Nhựa PP nguyên sinh hoặc HDPE- Màu sắc: Màu xanh, màu vàng, màu trắng, màu đen, Độ dày: 4 zem, Có in logo, Kích thước: tùy yêu cầu (xếp hông mỗi bên 10cm), Có dây rút.	Việt Nam	Kg	100

86	Bì đựng rác thải y tế 60*90 lít	Chất liệu: Nhựa PP nguyên sinh hoặc HDPE- Màu sắc: Màu xanh, màu vàng, màu trắng, màu đen, Độ dày: 4 zem, Có in logo, Kích thước: tùy yêu cầu (xếp hông mỗi bên 10cm), Có dây rút.	Việt Nam	Kg	100
87	Bì đựng rác thải y tế 90*120 lít	Chất liệu: Nhựa PP nguyên sinh hoặc HDPE- Màu sắc: Màu xanh, màu vàng, màu trắng, màu đen, Độ dày: 4 zem, Có in logo, Kích thước: tùy yêu cầu (xếp hông mỗi bên 10cm), Có dây rút.	Việt Nam	Kg	100
88	Hộp an toàn	Dung tích: 5 lít (tối đa 5.8 lít), Độ dày: 1.5mm; chiều cao: 290mm, Chất liệu giấy Carton 3 lớp, cán màng PE.	Việt Nam	Cái	1.000
89	Viên sát khuẩn Presept 2,5g	Hộp/ 100 viên	Ireland hoặc tương đương	Viên	5.000
90	Cồn 70 độ	Can 30 lít	Việt Nam	Lít	90
91	Dung dịch sát khuẩn nhanh	Chai 500ml	Việt Nam	Chai	300
92	Dung dịch rửa tay sát khuẩn Microshield 2 chai 500ml	Chai 500ml	Úc hoặc tương đương	Chai	50
93	Thuốc rửa phim X- Quang	Bộ gồm 02 can (Hiện hình và hãm hình)	Thổ Nhĩ Kỳ hoặc tương đương	Bộ	3
II VẬT TƯ DÙNG TRONG NHA KHOA					
94	Chổi đánh bóng răng TPC	Gói 100 cái	Đức hoặc tương đương	Cái	1
95	Composite đặc Denfil 4g A1	Hộp 1 ống 4g	Brazil hoặc tương đương	Ống	2
96	Composite đặc Denfil 4g A2	Hộp 1 ống 4g	Brazil hoặc tương đương	Ống	3
97	Composite đặc Denfil 4g A3	Hộp 1 ống 4g	Brazil hoặc tương đương	Ống	5
98	Composite đặc Denfil 4g A4	Hộp 1 ống 4g	Brazil hoặc tương đương	Ống	5
99	Cọ quét keo	Lốc 4 lọ x 100 cái	Đài Loan hoặc tương đương	Lọ	4
100	Etchring	Ống/2.5ml	Brazil hoặc tương đương	Tube	2
101	Keo trám bonding 3m6g	Hộp 1 lọ 5ml	Thụy Sĩ hoặc tương đương	Hộp	1

102	Sò đánh bóng ACClean	Hộp 144 viên	Thủy Điển hoặc tương đương	Viên	1
103	Eugenol	Thành phần là dầu Eugenol dùng phối trộn với oxid kẽm làm giảm đau trong thủ thuật nha khoa. Lọ/30ml	Ấn Độ hoặc tương đương	Lọ	1
104	Oxyd Kẽm (nha khoa)	Oxide kẽm nguyên chất dùng trám tạm. Lọ/110g	Ấn Độ hoặc tương đương	Lọ	1
105	GC Fuji 9 lớn	Là chất trám thẩm mỹ thay thế silicate, có khả năng giải phóng fluoride trên nền strontium, có sự giãn nở theo nhiệt tương tự như cấu trúc răng. Màu A3 và A3.5. Mỗi hộp gồm: 15g Bột, 8g dịch lỏng	Nhật Bản hoặc tương đương	Hộp	1
106	Ống hút nước bột nha khoa	Gói 100 cái	Ý hoặc tương đương	Gói	2
107	Mũi khoan búp lửa	Vi 5 cái	Đức hoặc tương đương	Cái	10
108	Mũi khoan trụ	Vi 5 cái	Đức hoặc tương đương	Cái	20
109	Mũi khoan tròn	Vi 5 cái	Đức hoặc tương đương	Cái	20
110	Mũi khoan endo Z	Vi 5 cái	Đức hoặc tương đương	Cái	5
111	Cortisomol	Ống 5ml	Đức hoặc tương đương	Ống	1
112	Composite lỏng	Ống 2,3g	Thụy Sĩ hoặc tương đương	Ống	1
113	Col chính loại 25	Hộp 60 cái	Đức hoặc tương đương	Hộp	1
114	Spongel	Hộp 50 viên	Đức hoặc tương đương	Hộp	1
115	Chổi bôi keo	Lốc 4 lọ x 100 cái	Đài Loan hoặc tương đương	Lọ	1
116	Col phụ side A	Hộp 120 cái	Hàn Quốc hoặc tương đương	Hộp	2
117	Col phụ side B	Hộp 120 cái	Hàn Quốc hoặc tương đương	Hộp	2
118	Col phụ side C	Hộp 120 cái	Hàn Quốc hoặc tương đương	Hộp	2

119	Col phụ side D	Hộp 120 cái	Hàn Quốc hoặc tương đương	Hộp	2
120	Col chính loại 30	Hộp 60 cái	Hàn Quốc hoặc tương đương	Hộp	1
121	Col chính loại 35	Hộp 60 cái	Hàn Quốc hoặc tương đương	Hộp	1
122	Col chính loại 40	Hộp 60 cái	Hàn Quốc hoặc tương đương	Hộp	1
123	Cây lên Col ngang số 35	Hộp 06 cái	Việt Nam	Hộp	1
124	Cây lên Col ngang số 40	Hộp 06 cái	Việt Nam	Hộp	1
125	Trâm gai	Vi 12 cây	Thụy Sỹ hoặc tương đương	Vi	5
126	Lentulo số 30	Vi 4 cây	Việt Nam	Vi	4
III. SINH PHẨM, HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM					
127	Test thử đường huyết	Hộp 50 test	Hàn Quốc hoặc tương đương	Test	1.000
128	Test HBsAg	Hộp 25 test	Ấn Độ hoặc tương đương	Test	5.000
129	Test Ma túy (4 trong 1)	Hộp 25 test	Canada hoặc tương đương	Test	8.000
130	Test nước tiểu 11 thông số (dùng cho máy Urilyzer 100)	Hộp 150 test	Đức hoặc tương đương	Test	1.800
131	Urinalysis Control - Level 1 (Urinal Control 1) (Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức 1)	Hộp/12 x 12 ml	Randox/ Anh	Lọ	12
132	Urinalysis Control - Level 2 (Urinal Control 2) (Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức 2)	Hộp/12 x 12 ml	Randox/ Anh	Lọ	12
133	Test phát hiện HEV IgG/IgM	Hộp 25 test	Canada hoặc tương đương	Test	500
134	Test phát hiện HCV	Hộp 50 test	Việt Mỹ/ Việt Nam	Test	500
135	Test phát hiện HAV IgM	Hộp 25 test	Canada hoặc tương đương	Test	500
136	Test xét nghiệm kháng nguyên Dengue NS1	Hộp 25 test	Canada hoặc tương đương	Test	5.000
137	Test HIV	Hộp 50 test	Việt Nam	Test	500
138	Test xét nghiệm kháng thể kháng H.pylori	Hộp 25 test	Canada hoặc tương đương	Test	300
139	Anti A	Lọ 10ml	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Lọ	50

140	Anti AB	Lọ 10ml	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Lọ	50
141	Anti B	Lọ 10ml	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Lọ	50
142	Fuchin 0,3%	Chai 500ml	Đức hoặc tương đương	Chai	4
143	Xanh methylen 0,3%	Chai 500ml	Đức hoặc tương đương	Chai	4
IV.	HÓA CHẤT BIOSYSTEMS CHẠY TRÊN AU 480 - BECKMAN COULTER				
144	Protein (Total)	Phương pháp: Biuret; Dải đo: 0.8-150 g/L. Quy cách: 2x60ml+2x20ml	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Hộp	2
145	Creatinine	Phương pháp: JAFFÉ COMPENSATED; Dải đo: 0.04-20 mg/dL. Quy cách: 5x60ml+5x60mL	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Hộp	4
146	Glucose	Phương pháp: Glucose oxidase/ peroxidase; Dải đo: 3.6 - 500 mg/dL (0.199 -27.5 mmol/L). Quy cách: 10x60mL	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Hộp	8
147	Cholesterol	Phương pháp: Cholesterol oxidase/ peroxidase; Dải đo: 4.2 - 1000 mg/dL (0.109 - 26 mmol/L). Quy cách: 10x60mL	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Hộp	4
148	Bilirubin (Total)	Phương pháp: DICHLOROPHENYL DIAZONIUM; Dải đo: 0.211 - 38 mg/dL (3.61 - 650 µmol/L). Quy cách: 8x60ml+8x15mL	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Hộp	1
149	Urea-BUN UV	Phương pháp: Urease / Glutamate dehydroganase; Dải đo: 3.69 - 300 mg/dL. Quy cách: 8x60ml+8x15mL	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Hộp	3
150	Uric Acid	Phương pháp: Uricase / peroxidase; Dải đo: 18.5 - 1487 µmol/L. Quy cách: 10x60mL	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Hộp	3
151	Triglycerides	Phương pháp: Glycerol phosphate oxidase/ peroxidase; Dải đo: 0.067 - 6.78 mmol/L. Quy cách: 10x60mL	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Hộp	4

152	AST/GOT	Phương pháp: IFCC; Dải đo: 7.15 - 500 U/L. Quy cách: 8x60ml+8x15mL	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Hộp	3
153	ALT/GPT	Phương pháp: IFCC; Dải đo: 8.5 - 500 U/L. Quy cách: 8x60ml+8x15mL	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Hộp	3
154	GGT(Men gan)	4x 120 ml	Đức hoặc tương đương	Hộp	3
155	Cholesterol HDL Direct	Phương pháp: DIRECT; Dải đo: 0.048 - 5.18 mmol/L. Quy cách: 2x60ml+2x20mL	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Hộp	4
156	Bilirubin (Direct)	Phương pháp: DICHLOROPHENYL DIAZONIUM; Dải đo: 0.09 - 15 mg/dL. Quy cách: 4x60ml+4x15mL	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Hộp	1
157	Biochemistry control urine	1x5mL	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Lọ	2
158	BIOCHEMISTRY CONTROL SERUM (Human) I	5x5mL	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Hộp	3
159	BIOCHEMISTRY CALIBRATOR (HUMAN)	5x5mL	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Hộp	3
160	CONCENTRATED SYSTEM LIQUID	1000ml	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Bình	10
161	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HEMOGLOBIN A1C-DIRECT	2x60ml+2x12mL	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Hộp	2
162	HEMOGLOBIN A1C-DIRECT STANDARDS	4Levelx0.5mL	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Hộp	2
163	HEMOGLOBIN A1C CONTROL (NORMAL)	1x0.5mL	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Hộp	2
164	HEMOGLOBIN A1C CONTROL (ELEVATED)	1x0.5mL	Tây Ban Nha hoặc tương đương	Hộp	2
V.	HÓA CHẤT CHẠY TRÊN MÁY HUYẾT HỌC CELLTACα				
165	Dung dịch Isotonac 3	Thùng/ 18 lít	Nhật Bản hoặc tương đương	Thùng	80
166	Dung dịch Cleanac	Thùng/ 5 lít	Nhật Bản hoặc tương đương	Thùng	20

167	Dung dịch Cleanac 3	Thùng/ 5 lít	Nhật Bản hoặc tương đương	Thùng	4
168	Dung dịch Hemolynac 3	Chai 500ml	Nhật Bản hoặc tương đương	Chai	40
169	MEK-3DN	Lọ 2ml	Hoa Kỳ hoặc tương đương	Lọ	3
VI.	HÓA CHẤT CHẠY TRÊN MÁY HUYẾT HỌC CELLTAC G				
170	Dung dịch Isotonac 3	Thùng 18L	Nhật Bản hoặc tương đương	Thùng	20
171	Dung dịch Hemolynac 310	Chai 250ml	Nhật Bản hoặc tương đương	Chai	10
172	Dung dịch Hemolynac 510	Chai 250ml	Nhật Bản hoặc tương đương	Chai	10
173	Dung dịch Cleanac 710	Can 2 lít	Nhật Bản hoặc tương đương	Can	10
174	Dung dịch Cleanac 810	3x15ml/bộ	Nhật Bản hoặc tương đương	Bộ	1
175	Máu chuẩn 5DN	Lọ 3ml	Mỹ hoặc tương đương	Lọ	1
VII	DỤNG CỤ Y TẾ				
176	Bộ tiểu phẫu 24 Chi tiết	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE Chất liệu thép không gỉ	Pakistan hoặc tương đương	Bộ	3
177	Kéo thẳng tù 16cm	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE Chất liệu thép không gỉ	Pakistan hoặc tương đương	Cái	10
178	Kéo thẳng nhọn 10cm	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE Chất liệu thép không gỉ	Pakistan hoặc tương đương	Cái	20
179	Kìm kẹp kim 16cm	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE Chất liệu thép không gỉ	Pakistan hoặc tương đương	Cái	20
180	Panh thẳng không máu 14cm	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE Chất liệu thép không gỉ	Pakistan hoặc tương đương	Cái	10
181	Panh cong không máu 14cm	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE Chất liệu thép không gỉ	Pakistan hoặc tương đương	Cái	10
182	Phẫu tích thẳng có máu 20cm	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE Chất liệu thép không gỉ	Pakistan hoặc tương đương	Cái	10

183	Phẫu tích thẳng không máu 20cm	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE Chất liệu thép không gỉ	Pakistan hoặc tương đương	Cái	10
184	Huyết áp cơ	Khoảng đo: từ 0 đến 300mmHg * Đồng hồ đo áp lực: có kim định vị ở mức số không (0) *Độ chính xác: ± 3 mmHg *Hệ thống bơm khí: vòng hơi được làm bằng vải may viền có túi hơi cao su bên trong, quả bóp cao su có van điều chỉnh	Nhật Bản hoặc tương đương	Cái	20
185	Huyết áp điện tử	Model: HEM-8712 Giới hạn đo: Huyết áp: từ 0 đến 299 mmHg; Nhịp tim: từ 40 đến 180 nhịp/phút. Độ chính xác: Huyết áp: ± 3 mmHg; Nhịp tim: ± 5 %. Cơ chế hoạt động: tự động bơm xả khí và đo giao động. Nguồn năng lượng: Sử dụng 4 pin AAA hoặc bộ cắm điện trực tiếp AC Adapter. Kích thước máy: 129 x 103 x 80 mm.	Nhật Bản hoặc tương đương	Cái	5
186	Ống nghe	Cấu hình ống nghe: *mặt nghe gồm chuông và màng nghe, được thiết kế hai mặt * Ống nghe hai tai làm bằng đồng thau *đây chữ Y làm bằng nhựa PVC * Nguyên lý: Nghe nhịp tim, nhịp mạch qua màng nghe.	Nhật Bản hoặc tương đương	Cái	10
187	Xe đẩy tiêm thuốc	3 tầng có hộc. Kích thước : 600x400x800mm Vật liệu: inox 201 Trụ phi 25x0.8 mm, liên kết với các tấm dày 0.8 mm Có 1 ngăn kéo cao 130mm Lan can phi 10 mm, 03 phía 04 bánh xe cao su phi 75mm, 02 có khóa	Việt Nam	Cái	5

188	Cân sức khỏe có thước đo	Cân trọng lượng cơ thể và đo chiều cao. Trọng lượng cơ thể: Max: 120kg, Min: 0.5kg. Đo chiều cao: Phạm vi đo 70-190cm, Min: 0,5 cm, sai số ± 0.5cm. Kích thước mặt bàn cân (L $\times$ W): 280 $\times$ 380 Kích thước tổng thể (Z $\times$ W $\times$ H): 880 $\times$ 310 $\times$ 270mm. Trọng lượng: 12.3kg.	Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	3
189	Nhiệt kế, Ẩm kế	Nhiệt độ đo khoảng: -30 °C ~ + 60 °C Độ chính xác nhiệt độ: -30 °C ~ + 60 °C, ± 0.6 °C Đơn vị nhiệt độ: Hai thang (°C / °F) Phạm vi đo độ ẩm: 0 ~ 99% RH Độ chính xác độ ẩm: $\pm 3\%$ rh	Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	12
190	Cân đồng hồ có máng	20 Kg	Việt Nam	Cái	25
191	Cân đồng hồ	120Kg	Việt Nam	Cái	3
192	Bẫy thẳng nhỏ răng các cỡ	Chất liệu: Titanium, bì 01 cái	Đức hoặc tương đương	Cái	10
193	Tay khoan nhanh nha khoa loại 4 lỗ, chuck bấm	Thân bằng thép không gỉ ; Vòng bi sứ. Chuck bấm. Hộp 01 cái	Nhật Bản hoặc tương đương	Cái	2
194	Gương nha khoa có cán	Chất liệu khung viền bằng thép không gỉ . Hộp 12 cái	Hàn Quốc hoặc tương đương	Cái	12
195	Cọc truyền dịch	Vật liệu chính: Inox. Kích thước (DxRxC) : 500 x 500 x 1200 (mm) ($\pm 2\%$) 03 chân đế : Inox hộp 25x50x1mm. Chân đế lắp bánh xe fi 50mm, có phanh. Thân cọc : Inox ống đường kính 19x0,8-1mm lồng vào ống Inox đường kính 25,4x1mm. Chiều cao cọc truyền tăng chỉnh nhờ núm vặn. Móc treo chai dịch : 2 hoặc 4 móc treo.	Việt Nam	Cái	5